

KT3-00027BXD8/4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

07/05/2018
Page 01/02

1. Tên mẫu : VỮA BÙ CO NGÓT HI-CRETE GROUT M80 - HS
Name of sample
2. Số lượng mẫu : 01 (10 kg)
Quantity
3. Ngày nhận mẫu : 05/01/2018
Date of receiving
4. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT XD HI - CRETE
Customer 15 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP. Hồ Chí Minh
5. Thời gian thử nghiệm: 06/01/2018 – 03/05/2018
Testing duration
6. Điều kiện thử nghiệm/ *Test condition*:
- Tỷ lệ trộn/ *Ratio of mixing*: Nước/ *Water* : Vữa khô/ *Dry mortar* = 16 %
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang/ *See page* 02/02
Test results

P. TRƯỞNG PTN XÂY DỰNG
DEPUTY HEAD OF CIVIL
ENGINEERING TESTING LAB.



Trần Huỳnh Chương

TL. GIÁM ĐỐC
PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.



Nguyễn Tấn Tùng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến./ *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu./ *Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.
Not applicable

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 Website: www.quatest3.com.vn
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298 E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

7. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristics	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Độ chảy ⁽¹⁾ , Flow	mm	190
7.2. Độ nở và tách nước của hỗn hợp Expansion and bleeding	Tham khảo/ Refer to ASTM C 1437 - 15 ASTM C 940 - 16	Bảng 1/ Table 1
7.3. Cường độ nén, Compressive strength	MPa	ASTM C 349 - 14
• 1 – ngày/ day		50,8
• 3 – ngày/ day		67,4
• 7 – ngày/ day		78,0
• 28 – ngày/ day		93,0
7.4. Cường độ uốn, Flexural strength	MPa	ASTM C 348 - 14
• 1 – ngày/ day		10,0
• 3 – ngày/ day		11,6
• 7 – ngày/ day		12,1
• 28 – ngày/ day		13,2
7.5. Hàm lượng clo/ Chloride content,	%	ASTM C 114 - 15
7.6. Độ co ngót khô (độ thay đổi chiều dài của thanh vữa), Dry shrinkage (length change mortar bars)	%	ASTM C 596 - 09
• 7 ngày/ days		- 0,036
• 14 ngày/ days		- 0,046
• 21 ngày/ days		- 0,059
• 28 ngày/ days		- 0,067

Bảng 1/ Table 1

Thời gian thử, Testing time min	Độ giãn nở, Expansion %	Độ tách nước, Bleeding %	Độ giãn nở kết hợp, Combined expansion %	Độ tách nước sau cùng, Final bleeding %
15	0,0	0,0	0,0	0,0
30	0,0	0,0	0,0	
45	0,0	0,0	0,0	
60	0,0	0,0	0,0	
120	0,0	0,0	0,0	
180	0,0	0,0	0,0	

Ghi chú/ Notice: ⁽¹⁾ Không dẫn mẫu/ Don't strike samples
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

 Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM
 Testing: 7 Road 1, Biên Hòa 1 Industrial Zone, Đồng Nai

 Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012
 Tel: (84-251) 383 6212 Fax: (84-251) 383 6298

 www.quatest3.com.vn
 tn-cskh@quatest3.com.vn